TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1389/2025/DS-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Thị Hồng Hạnh
2. Ông Vương Tấn Độ

- Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1356/2024/TLST – DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H.H.V.N; Địa chỉ: Tầng X, Tòa nhà Y, số Z đường N.C.T, phường B.T (phường N.T.B, Quận X cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông N.H.Ơ, sinh năm 19xx (có đơn giải quyết vắng mặt); Địa chỉ: Tầng X, Tòa nhà Y, số Z đường N.C.T, phường B.T (phường N.T.B, Quận X cũ), Thành phố H.

2. Bị đơn: bà N.T.T.P, sinh năm 19xx (vắng mặt); Địa chỉ: số X đường C.L, phường B.T.Đ (khu phố Y, phường B.T.Đ.A, quận B.T cũ), Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP H.H.V.N (sau đây gọi tắt là B) có người đại diện theo ủy quyền là ông N.H.Ơ trình bày:

1. Quá trình cho vay, ký kết hợp đồng tín dụng:

Ngày 03/10/2022 Ngân hàng TMCP H.H.V.N – Chi nhánh H – Phòng giao dịch Y và bà N.T.T.P đã ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 và Phụ lục kèm theo có nội dung như sau:

- Hạn mức vay: 390,000,000 đồng;

- Mục đích vay vốn: Tiêu dùng gia đình cá nhân.

- Thời hạn vay: 60 tháng. Kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay kỳ đầu tiên 20,5% năm

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

- Phương thức tính lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm.

2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: khoản vay không có tài sản bảo đảm.

3. Quá trình thực hiện hợp đồng, đôn đốc thu hồi nợ:

- Ngày 03/10/2022, Ngân hàng TMCP H.H.V.N đã giải ngân cho bà N.T.T.P theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 với số tiền 390,000,000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N.T.T.P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết. Tính đến ngày 22/9/2025, bà N.T.T.P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N tổng số tiền: 38,190,780 đồng *(trong đó gốc: 19,894,642 đồng và lãi: 18,296,138 đồng).*

- Kể từ ngày 07/11/2022 đến nay, bà N.T.T.P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dư nợ tạm tính đến hết ngày 22/9/2025, bà N.T.T.P còn nợ Ngân hàng TMCP H.H.V.N với tổng số tiền là: 616,933,772 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng)* trong đó:

- Nợ gốc: 370,105,358 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 216,919,541 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 29,908,873 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP H.H.V.N của bà N.T.T.P đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của B.

Tại Tòa án, Ngân hàng TMCP H.H.V.N yêu cầu Tòa án buộc bà N.T.T.P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N số tiền tạm tính đến ngày

22/9/2025 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 là: 616,933,772 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 370,105,358 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 216,919,541 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 29,908,873 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, kể từ ngày 23/9/2025, bà N.T.T.P phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà N.T.T.P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP H.H.V.N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Bà N.T.T.P trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với B. Do đó, Ngân hàng TMCP H.H.V.N chỉ yêu cầu cá nhân bà N.T.T.P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N, không yêu cầu chồng bà P (nếu có) liên đới trả nợ.

Bị đơn bà N.T.T.P: vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – Thành phố H: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tống đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử , ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, do bị đơn vắng mặt nên chậm đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 95, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà N.T.T.P phải trả cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N số tiền 616.933.772 đồng (Nợ gốc 370.105.358 đồng; Nợ lãi trong hạn 216.919.541 đồng; Nợ lãi quá hạn: 29.908.873 đồng);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP H.H.V.N và bà N.T.T.P là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân với mục đích vay là tiêu dùng cho cá nhân, bị đơn có địa chỉ tại phường B.T.Đ, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự là đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà N.T.T.P không đến tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện nguyên đơn là ông N.H.Ơ để tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 ngày 22/9/2025 nhưng ông Ơ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét việc Ngân hàng TMCP H.H.V.N yêu cầu bà N.T.T.P phải thanh toán nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về số nợ vốn vay: Xét mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà N.T.T.P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa để cung cấp lời khai và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như các chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 có cơ sở xác định bà N.T.T.P có vay của Ngân hàng TMCP H.H.V.N số tiền là 390.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng bà N.T.T.P đã trả 19.894.642 đồng. Số tiền nợ vốn còn lại là 370.105.358 đồng. Do bà N.T.T.P không trả được nợ vốn nên B khởi kiện bà P trả tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở để xem xét. Quá trình thực hiện hợp đồng bà P còn nợ B số tiền vốn là 370.105.358 đồng. Như vậy số tiền nợ vốn bà P còn phải trả cho B là 370.105.358 đồng. Việc bà N.T.T.P vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn đã được các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N.T.T.P phải trả cho B số tiền nợ vốn là 370.105.358 đồng.

- Về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Xét trong việc thực hiện Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022, bà P là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bà P chưa

thanh toán được tiền lãi là 246.828.414 đồng. Xét số tiền lãi do B yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 trên, Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản pháp luật có liên quan về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà P phải trả lãi tính từ ngày 07/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 246.828.414 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà P phải thanh toán cho B số tiền tạm tính từ ngày 07/11/2022 đến ngày 22/9/2025 là 616.933.772 đồng (Nợ gốc là 370.105.358 đồng và nợ tiền lãi là 246.828.414 đồng), tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán xong theo thoả thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: bà P phải chịu 28.677.351 đồng án phí sơ thẩm trên số tiền 616.933.772 đồng phải trả cho B. B không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các điều 317, 320, 322, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà N.T.T.P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022 với tổng số tiền là 616.933.772 đồng (Nợ gốc là 370.105.358 đồng và nợ lãi là 246.828.414 đồng tính từ ngày 07/11/2022 đến ngày 22/9/2025).

Bà N.T.T.P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N tiền lãi tính kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vốn theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1210/2022/HĐCV ngày 03/10/2022.

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N.T.T.P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 28.677.351 (hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi mốt) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP H.H.V.N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.505.708 (mười một triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm lẻ tám) đồng theo biên lai thu số 0023000 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực X – Thành phố H).

3. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV9 TPHCM;
- THADS THHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh